TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số:17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tố Như
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng
Bà Lê Thị Thu Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lại Thị Minh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn:*** Bà Lê Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn BG, xã ĐK, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Viết C, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn BG, xã ĐK, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2023 và trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị P

- Về hôn nhân: Chị P và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Khê, huyện Đông Sơn vào ngày 29/7/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh C không chịu khó làm ăn, thường xuyên chơi lô đề và uống rượu nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Viết C.

- Về con: Chị P và anh C có 01 con chung là cháu Lê Thị Phương A, sinh ngày 01/11/2011. Vợ chồng ly hôn chị P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phương A, không yêu cầu anh C đóng góp nuôi con.

- Về tài sản: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Theo bản trình bày ý kiến ngày 06/10/2023 và tại phiên hòa giải quan điểm của anh Lê Viết C:

- Về hôn nhân: Anh C cũng thống nhất với phần trình bày của chị P về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay chị Phượng làm đơn xin ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý.

- Về con: Anh C cũng thống nhất như lời trình bày của chị P về họ tên, ngày, tháng, năm sinh của con chung. Vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu Phương A để quyết định người nuôi con. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị Phượng là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng.

- Về tài sản: Anh C yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng là 01 căn nhà 02 tầng tại địa chỉ xóm 2 xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định của pháp luật.

- Về công nợ: Anh C và chị P không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Theo bản tự khai ngày 31/10/2023 quan điểm của cháu Lê Thị Phương A:

Cháu là con của bố C và mẹ P. Hiện nay cháu đang theo học tại lớp 7B trường THCS Đ, thành phố Thanh Hóa. Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

4.Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, xử việc giao con theo nguyện vọng của con, nếu được nuôi con thì nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và công nợ nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Nhất trí ly hôn, giao người có trách nhiệm nuôi con trên căn cứ nguyện vọng của con. Yêu cầu giải quyết về tài sản theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không cung cấp các tài liệu chứng minh giá trị tài sản, không nộp tiền tạm ứng án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Về công nợ bị đơn không yêu cầu giải quyết.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

- *Về hôn nhân:* Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị P và anh Lê Viết C.

- *Về con:* Ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi và cấp dưỡng con chung giữa chị Lê Thị P và anh Lê Viết C như sau: Giao cháu Lê Thị Phương A, sinh ngày 01/11/2011 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh C tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2023 cho đến khi cháu Phương A thành niên (tròn 18 tuổi).

- *Về án phí*: Buộc chị Lê Thị P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Lê Viết C phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Lê Thị P và bị đơn anh Lê Viết C là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Thôn BG, xã ĐK, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập anh C đến làm việc anh C đã làm bản tự khai nhưng vì lý do công việc nên có đơn xin giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xin vắng mặt trong tất cả các buổi xét xử. Yêu cầu xét xử vắng mặt của anh C là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân*:* Anh Lê Viết C và chị Lê Thị P kết hôn trên cơ sở hai người tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Khê, huyện Đông Sơn vào ngày 29/7/2009. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có lòng tin đối với nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay, không có trách nhiệm gì với nhau. Tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị P đã hoàn toàn tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi chị Phượng xin ly hôn thì anh C cũng không thiết tha níu kéo mà có thái độ bỏ mặc. Như vậy chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên hòa giải ngày 31 tháng 10 năm 2023 chị P

và anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên thuận tình ly hôn.

* Về con: Chị Lê Thị P và anh Lê Viết C đều trình bày thống nhất: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Phương A, sinh ngày 01/11/2011. Cháu Phương A có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét điều kiện nuôi con của anh C và chị P thì thấy rằng: Cháu Phương A là con gái đang trong độ tuổi dậy thì. Tại phiên hòa giải ngày 31 tháng 10 năm 2023 chị P và anh C thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Phương A cho chị P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh C tự nguyện cấp dưỡng con chung là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng.

Về công nợ: Chị Lê Thị P và anh Lê Viết C đều trình bày thống nhất: Vợ chồng không có nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung, công nợ giữa chị Phượng và anh C là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, có căn cứ, phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

* Về tài sản: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, còn anh C có yêu cầu giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng nhưng anh C không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh giá trị tài sản. Tại biên bản làm việc ngày 31/10/2023 anh C có đề nghị Tòa án cho anh thời gian 01 tuần để anh và chị P thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được anh C sẽ cung cấp tài liệu liên quan đến giá trị tài sản và nộp tiền tạm ứng án phí. Đã hết thời hạn làm việc nhưng anh C không nộp tiền tạm ứng án phí và các chi phí khác theo quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét yêu cầu giải quyết phần tài sản của anh C. Dành quyền khởi kiện cho anh C bằng một vụ án khác khi anh C có đơn yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị P là nguyên đơn nên phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lê Viết C phải nộp án phí DSST đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Vắng mặt anh Lê Viết Chung.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị P đối với bị đơn anh Lê Viết C.

- *Về hôn nhân:* Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị P và anh Lê Viết C.

- *Về con:* Ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi và cấp dưỡng con chung giữa chị Lê Thị P và anh Lê Viết Ch như sau: Giao cháu Lê Thị Phương A, sinh ngày 01/11/2011 cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh C tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2023 cho đến khi cháu Phương A thành niên (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Buộc chị Lê Thị P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2022/0006242 ngày 03/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận đã nộp đủ.

Buộc anh Lê Viết C phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Lê Viết C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐK;
-Thi hành án;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Tố Như